

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **01/2011/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2011

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:..... <i>96</i>
	Ngày:.. <i>5/1/11</i> ..

NGHỊ ĐỊNH

Về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 21 tháng 12 năm 2005;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Trái phiếu Chính phủ” là loại trái phiếu do Bộ Tài chính phát hành nhằm huy động vốn cho ngân sách nhà nước hoặc huy động vốn cho chương trình, dự án đầu tư cụ thể thuộc phạm vi đầu tư của Nhà nước.

2. “Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh” là loại trái phiếu do doanh nghiệp, tổ chức tài chính, tín dụng, ngân hàng chính sách của nhà nước thuộc đối tượng quy định tại Điều 32 Luật Quản lý nợ công phát hành và được Chính phủ bảo lãnh thanh toán.

3. “Trái phiếu chính quyền địa phương” là loại trái phiếu do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phát hành nhằm huy động vốn cho công trình, dự án đầu tư của địa phương.

4. “Bán lẻ trái phiếu” là phương thức phát hành trái phiếu mà chủ thể phát hành trực tiếp bán trái phiếu cho từng đối tượng mua trái phiếu.

5. “Bảo lãnh phát hành trái phiếu” là phương thức phát hành trái phiếu mà chủ thể phát hành bán trái phiếu thông qua các tổ chức bảo lãnh phát hành.

6. “Bản cáo bạch” là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết trái phiếu của chủ thể phát hành và các điều khoản, điều kiện phát hành trái phiếu.

7. “Các thỏa thuận đại lý” là các thỏa thuận được ký giữa chủ thể phát hành và các tổ chức đại lý về các điều khoản để thực hiện giao dịch từ khi chuẩn bị phát hành đến khi hoàn tất việc thanh toán trái phiếu, bao gồm:

a) Đại lý in ấn: là tổ chức được lựa chọn để in ấn trái phiếu, bản cáo bạch và các tài liệu liên quan khác;

b) Đại lý niêm yết: là tổ chức được lựa chọn để làm thủ tục đăng ký niêm yết trái phiếu của chủ thể phát hành trên các thị trường chứng khoán thích hợp, phù hợp với các quy định của nơi niêm yết;

c) Đại lý tài chính và thanh toán: là tổ chức được lựa chọn để thay mặt cho chủ thể phát hành thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư và là đại lý quản lý danh sách các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu của đợt phát hành;

d) Đại lý chuyển nhượng: là tổ chức được lựa chọn để duy trì các báo cáo về người sở hữu trái phiếu, hủy và phát hành giấy chứng nhận, và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc giấy chứng nhận bị mất, bị hư hỏng hoặc bị mất cắp;

đ) Đại lý ủy thác: là tổ chức được các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chỉ định làm người đại diện bảo vệ quyền lợi của các người nắm giữ trái phiếu và bảo đảm việc tuân thủ các điều khoản của trái phiếu;

e) Tổ chức lưu ký: là tổ chức nhận ký gửi, bảo quản, xác nhận việc chuyển nhượng và chuyển nhượng trái phiếu trên thị trường.

8. “Đại lý phát hành trái phiếu” là phương thức phát hành trái phiếu mà chủ thể phát hành ủy thác cho một tổ chức khác thực hiện bán trái phiếu cho đối tượng mua trái phiếu.

9. “Đấu thầu phát hành trái phiếu” là phương thức phát hành trái phiếu mà chủ thể phát hành lựa chọn các tổ chức đủ điều kiện trúng thầu mua trái phiếu đáp ứng các yêu cầu của chủ thể phát hành.

10. “Hệ số tín nhiệm” là hệ số mà các tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm xác định để đánh giá các quốc gia (hệ số tín nhiệm quốc gia) hoặc các doanh nghiệp (hệ số tín nhiệm doanh nghiệp) về mức độ tin cậy, mức độ rủi ro đầu tư và khả năng hoàn trả các khoản vay.

11. “Hợp đồng bảo lãnh phát hành” là thỏa thuận ký giữa chủ thể phát hành và tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành về các điều khoản, điều kiện để thực hiện bảo lãnh phát hành hoặc thực hiện phát hành của từng đợt phát hành hoặc chương trình phát hành.

12. “Hợp đồng tư vấn pháp lý” là thỏa thuận được ký giữa chủ thể phát hành và tổ chức (tổ hợp) bảo lãnh phát hành với một hoặc nhiều công ty luật về việc cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp luật trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế.

13. “Hoán đổi trái phiếu” là việc mua, bán hai mã trái phiếu khác nhau của cùng một chủ thể phát hành tại cùng một thời điểm với mục tiêu cơ cấu lại danh mục nợ.

14. “Kỳ hạn của trái phiếu” là thời gian tính từ ngày phát hành tới ngày đáo hạn trái phiếu.

15. “Tổ chức bảo lãnh chính hoặc quản lý sổ chính” là một hoặc một nhóm các tổ chức tài chính có uy tín trên thị trường được chủ thể phát hành lựa chọn để thực hiện giao dịch và có vai trò chủ yếu trong việc phân phối trái phiếu. Tổ chức bảo lãnh chính hoặc quản lý sổ chính có vai trò tư vấn cơ cấu phát hành tối ưu, đưa ra mức giá tham khảo, thời gian phát hành thích hợp, phối hợp với tất cả các bên liên quan để tạo động lực tốt cho giao dịch.

16. “Người vay lại” là doanh nghiệp, tổ chức tài chính, tín dụng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký thỏa thuận vay lại và nhận nợ với cơ quan cho vay lại để sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu của Chính phủ theo cơ chế cho vay lại.

17. “Phát hành trái phiếu” là việc chủ thể phát hành bán trái phiếu cho các đối tượng mua trái phiếu.

18. “Tổ chức bảo lãnh phát hành” là tổ chức cam kết với chủ thể phát hành thực hiện các thủ tục về phát hành trái phiếu, nhận mua một phần hay toàn bộ trái phiếu của chủ thể phát hành để bán lại, phân phối trái phiếu cho các nhà đầu tư hoặc mua số trái phiếu còn lại chưa được phân phối hết.

19. “Tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm” là các tổ chức có chức năng đánh giá và xếp hạng hệ số tín nhiệm cho quốc gia, doanh nghiệp.

20. “Tu vấn pháp lý trong nước” là công ty luật có hiện diện thương mại tại Việt Nam được lựa chọn làm tư vấn cho chủ thể phát hành hoặc tổ chức (tổ hợp) bảo lãnh phát hành về các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến đợt phát hành trái phiếu.

21. “Tu vấn pháp lý quốc tế” là công ty luật được lựa chọn làm tư vấn cho chủ thể phát hành hoặc tổ chức (tổ hợp) bảo lãnh phát hành về các quy định của pháp luật quốc tế, pháp luật áp dụng tại thị trường phát hành trái phiếu, soạn thảo bản cáo bạch và ý kiến pháp lý cho đợt phát hành trái phiếu.

22. “Tổ hợp bảo lãnh phát hành” là tập hợp các tổ chức bảo lãnh phát hành được chủ thể phát hành lựa chọn tham gia quá trình phát hành trái phiếu. Tổ hợp này có thể được chia thành nhiều cấp tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể của từng đợt phát hành:

a) Cấp một gồm tổ chức bảo lãnh chính hoặc quản lý sổ chính có vai trò chủ yếu trong việc phân phối trái phiếu; phối hợp với chủ thể phát hành nâng cao hình ảnh quốc gia, hình ảnh doanh nghiệp và tiếp tục hỗ trợ về thanh khoản sau phát hành;

b) Cấp hai gồm tổ chức quản lý chính hoặc đồng quản lý chính có vai trò hạn chế hơn trong việc phân bổ khối lượng bán trái phiếu;

c) Cấp ba gồm tổ chức quản lý hoặc đồng quản lý có vai trò thấp nhất trong tổ hợp bảo lãnh phát hành.

23. “Ý kiến pháp lý” là văn bản pháp lý do Bộ Tư pháp, tư vấn pháp lý trong nước hoặc tư vấn pháp lý quốc tế phát hành phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế về căn cứ pháp luật của các giao dịch liên quan tới phát hành, thanh toán trái phiếu được thực hiện trên cơ sở pháp luật Việt Nam, các điều ước, các thỏa thuận quốc tế, các hợp đồng có yếu tố nước ngoài và các văn bản pháp lý khác.

Điều 3. Chủ thể phát hành trái phiếu

1. Chủ thể phát hành trái phiếu Chính phủ là Bộ Tài chính.

2. Chủ thể phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh là doanh nghiệp, ngân hàng chính sách của nhà nước và tổ chức tài chính, tín dụng thuộc đối tượng được cấp bảo lãnh Chính phủ theo quy định tại Điều 32 Luật Quản lý nợ công.

3. Chủ thể phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Mục đích phát hành trái phiếu

1. Trái phiếu Chính phủ được phát hành cho các mục đích sau:

- a) Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;
- b) Bù đắp thiếu hụt tạm thời của ngân sách nhà nước từ vay trái phiếu ngắn hạn;
- c) Cơ cấu lại khoản nợ, danh mục nợ Chính phủ;
- d) Cho doanh nghiệp, tổ chức tài chính, tín dụng, chính quyền địa phương vay lại theo quy định của pháp luật;
- đ) Các mục đích khác nhằm bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

2. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được phát hành để đầu tư cho các chương trình, dự án sau:

- a) Chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm cả phương án tái cơ cấu nợ của các chương trình, dự án này;
- b) Chương trình, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án trong lĩnh vực năng lượng, khai thác, chế biến khoáng sản hoặc sản xuất hàng hoá, cung ứng dịch vụ xuất khẩu do Thủ tướng Chính phủ quyết định phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- c) Chương trình, dự án thuộc lĩnh vực, địa bàn được nhà nước khuyến khích đầu tư theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- d) Chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Trái phiếu chính quyền địa phương được phát hành cho các mục đích sau:

- a) Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;
- b) Đầu tư vào các dự án có khả năng hoàn vốn tại địa phương.

Điều 5. Nguyên tắc phát hành trái phiếu

1. Việc phát hành trái phiếu phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng.

2. Việc phát hành trái phiếu phải tuân thủ các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan.

3. Chủ thể phát hành trái phiếu phải đảm bảo quản lý, sử dụng vốn trái phiếu đúng mục đích, hiệu quả và bố trí nguồn vốn trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

Điều 6. Các điều kiện và điều khoản của trái phiếu

1. Kỳ hạn trái phiếu

Ngoại trừ tín phiếu kho bạc do Bộ Tài chính phát hành, các loại trái phiếu Chính phủ khác, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương có kỳ hạn từ một (01) năm trở lên. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về kỳ hạn trái phiếu, đảm bảo tính đa dạng và tiêu chuẩn hóa các kỳ hạn trái phiếu nhằm mục đích phát triển thị trường trái phiếu.

2. Khối lượng phát hành trái phiếu

Khối lượng trái phiếu phát hành từng đợt do chủ thể phát hành quyết định, căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn được cấp có thẩm quyền quyết định và điều kiện, khả năng huy động vốn trên thị trường.

3. Mệnh giá trái phiếu

Mệnh giá trái phiếu do chủ thể phát hành quyết định. Trường hợp trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, mệnh giá trái phiếu được quy định phù hợp với quy định về niêm yết và giao dịch chứng khoán.

4. Đồng tiền phát hành, thanh toán trái phiếu

a) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương phát hành trong nước bằng đồng Việt Nam. Trường hợp trái phiếu Chính phủ phát hành trong nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thực hiện theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh phát hành ra thị trường quốc tế bằng ngoại tệ theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.

c) Đồng tiền sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cùng loại với đồng tiền khi phát hành.

d) Việc sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền phát hành, thanh toán trái phiếu phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

5. Hình thức trái phiếu

a) Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

b) Chủ thể phát hành quyết định cụ thể về hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt phát hành.

6. Lãi suất trái phiếu

a) Lãi suất trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương phát hành trong nước do chủ thể phát hành quyết định trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định.

b) Trái phiếu được phát hành theo lãi suất cố định, lãi suất thả nổi và lãi suất chiết khấu theo phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Mua lại và hoán đổi trái phiếu

a) Mua lại trái phiếu trước hạn

- Chủ thể phát hành có thể mua lại trái phiếu trước hạn để giảm nghĩa vụ nợ hoặc để cơ cấu lại nợ theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về quản lý nợ công.

- Việc mua lại trái phiếu trước hạn phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và hiệu quả.

b) Hoán đổi trái phiếu

- Trái phiếu Chính phủ đã phát hành có thể được hoán đổi để cơ cấu lại nợ theo chương trình, kế hoạch cơ cấu lại nợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về quản lý nợ công.

- Việc hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

- Việc hoán đổi trái phiếu phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và hiệu quả.

Điều 7. Đối tượng mua trái phiếu

1. Đối tượng mua trái phiếu là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Tổ chức của Việt Nam không được sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp để mua trái phiếu.

Điều 8. Quyền lợi và nghĩa vụ nộp thuế của chủ sở hữu trái phiếu

1. Quyền lợi của chủ sở hữu trái phiếu

a) Chủ sở hữu trái phiếu được đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn khi gốc, lãi trái phiếu đến hạn thanh toán.

b) Chủ sở hữu trái phiếu được sử dụng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế, chiết khấu và cầm cố trong các quan hệ tín dụng và quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ nộp thuế của chủ sở hữu trái phiếu

Chủ sở hữu trái phiếu thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản thu nhập phát sinh từ lãi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật thuế hiện hành. Việc miễn trừ nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản thu nhập từ lãi trái phiếu Chính phủ phát hành ra thị trường quốc tế do Chính phủ quyết định.

Điều 9. Lưu ký, niêm yết và giao dịch trái phiếu

1. Đối với trái phiếu phát hành trong nước

a) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do các ngân hàng chính sách của nhà nước phát hành được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán; được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính; được giao dịch trên thị trường tiền tệ và tại sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết trái phiếu.

b) Trái phiếu chính quyền địa phương được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán; được niêm yết và giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do doanh nghiệp phát hành được đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Đối với trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế

Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được lưu ký tại tổ chức lưu ký nước ngoài; được niêm yết và giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

Chương II PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU TRONG NƯỚC

Mục 1 TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Điều 10. Các loại trái phiếu Chính phủ

1. Tín phiếu kho bạc là loại trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 13 tuần, 26 tuần hoặc 52 tuần và đồng tiền phát hành là đồng Việt Nam. Các kỳ hạn khác của tín phiếu kho bạc do Bộ Tài chính quyết định tùy theo nhu cầu sử dụng vốn và tình hình thị trường nhưng không vượt quá 52 tuần.

2. Trái phiếu kho bạc là loại trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ một (01) năm trở lên và đồng tiền phát hành là đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi.

3. Công trái xây dựng Tổ quốc là loại trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ một (01) năm trở lên, đồng tiền phát hành là đồng Việt Nam và được phát hành nhằm huy động nguồn vốn để đầu tư xây dựng những công trình quan trọng quốc gia và các công trình thiết yếu khác phục vụ sản xuất, đời sống, tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho đất nước.

Điều 11. Phương thức phát hành trái phiếu

1. Tín phiếu kho bạc được phát hành theo phương thức đấu thầu qua Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc phát hành trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về trình tự thủ tục phát hành tín phiếu kho bạc. Trường hợp phát hành trực tiếp tín phiếu kho bạc cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính thống nhất với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với từng đợt phát hành.

2. Trái phiếu Chính phủ được phát hành theo các phương thức sau:

- a) Đấu thầu phát hành trái phiếu.
- b) Bảo lãnh phát hành trái phiếu.
- c) Đại lý phát hành trái phiếu.
- d) Bán lẻ trái phiếu.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục phát hành trái phiếu Chính phủ.

Điều 12. Đối tượng tham gia đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu

1. Đối tượng tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc.

a) Đối tượng tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc là các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty tài chính và các định chế tài chính khác.

b) Trường hợp các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không mua hết khối lượng tín phiếu kho bạc của đợt phát hành thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quyền mua một phần hoặc toàn bộ khối lượng tín phiếu còn lại phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ sau khi thỏa thuận với Bộ Tài chính.

2. Đối tượng tham gia đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu kho bạc và công trái xây dựng tổ quốc là các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các định chế tài chính khác.

3. Đối tượng tham gia đấu thầu, bảo lãnh phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xem xét và công nhận là thành viên của hệ thống các nhà tạo lập thị trường trái phiếu nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

4. Bộ Tài chính quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện đối với các tổ chức tham gia đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu và thành viên của hệ thống các nhà tạo lập thị trường trái phiếu phù hợp với sự phát triển của thị trường trong từng thời kỳ.

Điều 13. Phí phát hành, thanh toán trái phiếu

1. Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán trái phiếu do ngân sách trung ương chi trả.

2. Mức phí chi trả cho các tổ chức thực hiện đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, thanh toán trái phiếu thực hiện theo thỏa thuận giữa chủ thể phát hành và tổ chức cung cấp dịch vụ theo nguyên tắc thị trường, minh bạch. Bộ Tài chính hướng dẫn khung phí chi trả cho các tổ chức thực hiện đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và thanh toán trái phiếu.

Điều 14. Sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu Chính phủ đều phải tập trung vào ngân sách trung ương để sử dụng theo đúng mục đích phát hành, quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 15. Thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Ngân sách trung ương bảo đảm nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

2. Bộ Tài chính tổ chức thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho chủ sở hữu trái phiếu khi đến hạn.

Mục 2

TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Điều 16. Điều kiện phát hành trái phiếu

1. Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Phát hành trái phiếu để đầu tư vào các chương trình, dự án theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

- b) Các chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý nợ công;
- d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- đ) Có đề án phát hành trái phiếu được Bộ Tài chính thẩm định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp bảo lãnh Chính phủ;
- e) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

2. Các ngân hàng chính sách của nhà nước, tổ chức tài chính, tín dụng phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Phát hành trái phiếu để thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- b) Có đề án phát hành trái phiếu được Bộ Tài chính thẩm định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp bảo lãnh Chính phủ;
- c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Điều 17. Đề án phát hành trái phiếu

1. Đề án phát hành trái phiếu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 16 của Nghị định này phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Thông tin chung về ngành nghề kinh doanh và tình hình tài chính của chủ thể phát hành;
- b) Nội dung và phương án tài chính của chương trình, dự án sử dụng vốn phát hành trái phiếu;
- c) Dự kiến khối lượng, kỳ hạn, lãi suất, phương thức phát hành trái phiếu;
- d) Dự kiến kế hoạch phát hành trái phiếu và kế hoạch triển khai, giải ngân của chương trình, dự án;
- đ) Phương án sử dụng và quản lý nguồn vốn phát hành trái phiếu;
- e) Phương án bố trí nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;
- g) Các cam kết của chủ thể phát hành đối với đối tượng mua trái phiếu.

2. Đề án phát hành trái phiếu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định này phải có các nội dung cơ bản sau:

- a) Chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- b) Phương án huy động các nguồn vốn thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước, trong đó có nguồn vốn phát hành trái phiếu;
- c) Dự kiến khối lượng, kỳ hạn, lãi suất, phương thức phát hành trái phiếu;
- d) Dự kiến kế hoạch phát hành trái phiếu và kế hoạch triển khai, giải ngân của chương trình;
- đ) Phương án sử dụng và quản lý nguồn vốn phát hành trái phiếu;
- e) Phương án bố trí nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;
- g) Các cam kết của chủ thể phát hành đối với đối tượng mua trái phiếu.

3. Đề án phát hành trái phiếu phải được đại diện chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản lý của doanh nghiệp, tổ chức tài chính tín dụng, ngân hàng chính sách của nhà nước phê duyệt bằng văn bản theo quy định tại điều lệ tổ chức, hoạt động của chủ thể phát hành.

Điều 18. Thẩm định và cấp bảo lãnh Chính phủ

1. Chủ thể phát hành trái phiếu gửi Bộ Tài chính hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh Chính phủ để thẩm định. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh bao gồm đề án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 17 Nghị định này; các văn bản pháp lý chứng minh đủ điều kiện phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định này; và các tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

2. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh, các quy định của Nghị định này, pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Bộ Tài chính thẩm định đề án phát hành trái phiếu và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương cấp bảo lãnh Chính phủ.

Đối với trường hợp tái cơ cấu nợ của các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, đề án phát hành trái phiếu để tái cơ cấu nợ phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bằng văn bản và chấp thuận chủ trương cấp bảo lãnh Chính phủ.

Đối với các chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước, Bộ Tài chính thẩm định đề án phát hành trái phiếu trong quá trình xây dựng kế hoạch nguồn vốn thực hiện chương trình để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về

phạm vi, đối tượng của chương trình tín dụng có mục tiêu và tổng nguồn vốn thực hiện, trong đó bao gồm hạn mức nguồn huy động từ phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

3. Sau khi Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương cấp bảo lãnh Chính phủ, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho chủ thể phát hành đề tổ chức phát hành trái phiếu theo đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo các quy định tại Nghị định này. Việc phát hành trái phiếu phải dựa trên tiến độ thực hiện và giải ngân của chương trình, dự án. Bộ Tài chính quy định cụ thể các đợt phát hành trái phiếu dựa trên đề xuất của chủ thể phát hành, tiến độ giải ngân dự án và tình hình thực tế của thị trường.

4. Kết thúc đợt phát hành trái phiếu, chủ thể phát hành phải báo cáo Bộ Tài chính về kết quả phát hành để làm thủ tục xác nhận nghĩa vụ bảo lãnh thực tế theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thẩm định và cấp bảo lãnh đối với trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Điều 19. Phương thức phát hành trái phiếu

1. Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1, Điều 16 Nghị định này, phương thức phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

2. Đối với các ngân hàng chính sách của nhà nước phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này, phương thức phát hành trái phiếu bao gồm:

- a) Đấu thầu phát hành trái phiếu;
- b) Đại lý phát hành trái phiếu.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể phương thức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại Nghị định này và pháp luật về chứng khoán.

Điều 20. Phí phát hành, thanh toán trái phiếu

1. Chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu, phí bảo lãnh Chính phủ do chủ thể phát hành chi trả và được tính vào giá trị của dự án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu hoặc chi phí hoạt động của chủ thể phát hành tùy theo mục đích sử dụng.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn khung phí chi trả cho các tổ chức thực hiện đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và thanh toán trái phiếu.

Điều 21. Sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu

1. Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu phải được sử dụng theo đúng đề án phát hành trái phiếu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.

2. Chủ thể phát hành chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn phát hành trái phiếu, bảo đảm thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Điều 22. Bảo lãnh thanh toán

Mức bảo lãnh thanh toán tối đa là một trăm phần trăm (100%) giá trị gốc, lãi trái phiếu phát hành theo đề án phát hành trái phiếu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.

Điều 23. Thanh toán trái phiếu

1. Chủ thể phát hành có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn bằng các nguồn vốn hợp pháp của mình.

2. Trường hợp chủ thể phát hành không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn, Bộ Tài chính thực hiện nghĩa vụ thanh toán của chủ thể phát hành trong phạm vi mức bảo lãnh Chính phủ đã cấp. Chủ thể phát hành có trách nhiệm báo cáo, nhận nợ và thanh toán lại cho Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Mục 3**TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG****Điều 24. Điều kiện phát hành trái phiếu**

1. Phát hành trái phiếu để đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch năm (05) năm đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; hoặc các dự án được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xác định có khả năng hoàn vốn. Các dự án này phải hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Có đề án phát hành trái phiếu đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận bằng văn bản.

3. Tổng số vốn huy động tối đa bằng phát hành trái phiếu phải nằm trong hạn mức dư nợ từ nguồn vốn huy động hàng năm của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Đối với các dự án được xác định là có khả năng hoàn vốn, tổng giá trị vốn vay, bao gồm cả việc phát hành trái phiếu, để đầu tư vào một dự án không vượt quá tám mươi phần trăm (80%) tổng mức đầu tư của dự án đó.

Điều 25. Đề án phát hành trái phiếu

1. Đề án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Mục đích phát hành trái phiếu và các thông tin về dự án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu;
- b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của dự án và nhu cầu vốn từ phát hành trái phiếu;
- c) Dự kiến khối lượng, kỳ hạn, lãi suất, phương thức và kế hoạch phát hành trái phiếu;
- d) Phương án bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;
- đ) Các cam kết của chủ thể phát hành đối với đối tượng mua trái phiếu.

2. Đề án phát hành trái phiếu phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản.

Điều 26. Thẩm định đề án phát hành trái phiếu

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính hồ sơ phát hành trái phiếu để thẩm định. Hồ sơ phát hành trái phiếu bao gồm đề án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 25 Nghị định này, các văn bản pháp lý chứng minh đủ điều kiện phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này và các tài liệu có liên quan khác.

2. Căn cứ hồ sơ phát hành trái phiếu, các quy định của Nghị định này, Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Bộ Tài chính thẩm định đề án phát hành trái phiếu và ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc phát hành trái phiếu.

Điều 27. Phương thức phát hành trái phiếu

1. Trái phiếu được phát hành theo phương thức đấu thầu, bảo lãnh hoặc đại lý phát hành trái phiếu.

2. Đối tượng tham gia đấu thầu, bảo lãnh hoặc đại lý phát hành trái phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

Điều 28. Phí phát hành, thanh toán trái phiếu

1. Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu do ngân sách địa phương chi trả.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn khung phí chi trả cho các tổ chức thực hiện đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và thanh toán trái phiếu.

Điều 29. Sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu phải được sử dụng theo đúng đề án phát hành trái phiếu đã được Bộ Tài chính chấp thuận và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công.

Điều 30. Thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức và thực hiện thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

2. Nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu được bảo đảm từ ngân sách cấp tỉnh và nguồn thu từ các dự án đầu tư có khả năng hoàn vốn tại địa phương.

Chương III

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Mục 1

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Điều 31. Điều kiện phát hành trái phiếu

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Quản lý nợ công.
2. Có đề án phát hành trái phiếu được Chính phủ phê duyệt.
3. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Quản lý nợ công trong trường hợp phát hành trái phiếu để cơ cấu lại danh mục nợ.
4. Giá trị phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế phải nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của Chính phủ hàng năm và phù hợp với chiến lược quản lý nợ công, chương trình quản lý nợ trung hạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 32. Đề án phát hành trái phiếu

1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng đề án phát hành trái phiếu trình Chính phủ phê duyệt cho từng đợt phát hành.
2. Đề án phát hành bao gồm các nội dung cơ bản sau:
 - a) Mục đích phát hành và sử dụng vốn phát hành trái phiếu;
 - b) Các căn cứ pháp lý để phát hành trái phiếu, bao gồm quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền và các căn cứ pháp lý khác theo quy định hiện hành của pháp luật;

c) Dự kiến khối lượng, cơ cấu, loại tiền tệ phát hành, kỳ hạn trái phiếu, thị trường, thời gian và phương thức phát hành trái phiếu;

d) Điều kiện thị trường và dự kiến lãi suất trái phiếu;

đ) Dự kiến phương thức lựa chọn tổ chức hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành, tư vấn pháp lý trong nước, tư vấn pháp lý quốc tế, các đại lý liên quan và kế hoạch tổ chức phát hành trái phiếu;

e) Dự kiến các chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu;

g) Phương án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu, xử lý các rủi ro, phương án thanh toán gốc, lãi trái phiếu;

h) Đánh giá, phân tích các rủi ro, những khó khăn có thể phát sinh trong quá trình phát hành trái phiếu và đề xuất biện pháp khắc phục.

Điều 33. Phê duyệt đề án phát hành trái phiếu

1. Chính phủ phê duyệt đề án phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế với các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích phát hành và sử dụng vốn phát hành trái phiếu;

b) Loại tiền tệ, khối lượng, kỳ hạn và phương thức phát hành trái phiếu;

c) Thời điểm dự kiến phát hành trái phiếu;

d) Thị trường được lựa chọn làm nơi phát hành trái phiếu;

đ) Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan.

2. Hình thức phê duyệt là Nghị quyết của Chính phủ.

Điều 34. Hồ sơ phát hành trái phiếu

1. Hồ sơ phát hành trái phiếu là các tài liệu pháp lý do Bộ Tài chính phối hợp cùng với tư vấn pháp lý trong nước, tư vấn pháp lý quốc tế và các cơ quan liên quan chuẩn bị theo quy định của luật pháp Việt Nam và luật pháp áp dụng tại thị trường phát hành trái phiếu.

2. Hồ sơ phát hành trái phiếu bao gồm các tài liệu cơ bản sau:

a) Bản cáo bạch;

b) Các hợp đồng bảo lãnh phát hành;

c) Các hợp đồng tư vấn pháp lý;

d) Hợp đồng mua bán trái phiếu;

- d) Các thỏa thuận đại lý;
- e) Các ý kiến pháp lý;
- g) Các hồ sơ khác có liên quan.

Điều 35. Trình tự phát hành trái phiếu

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các tổ chức liên quan để tổ chức phát hành trái phiếu theo đúng đề án đã được Chính phủ phê duyệt.

2. Căn cứ tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính quyết định về trình tự phát hành trái phiếu theo một số bước cơ bản như sau:

a) Lựa chọn các tổ chức hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành: lựa chọn một hoặc một số tổ chức tài chính, tín dụng đầu tư quốc tế hàng đầu trên thế giới, có kinh nghiệm trong lĩnh vực phát hành trái phiếu để bảo lãnh phát hành cho đợt phát hành trên cơ sở chào thầu cạnh tranh theo các tiêu chí cụ thể và danh sách các tổ chức do các tạp chí uy tín quốc tế bình chọn;

b) Lựa chọn các tư vấn pháp lý: chủ trì, phối hợp với tổ chức hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành lựa chọn các tổ chức, công ty luật có uy tín và kinh nghiệm trong và ngoài nước làm tư vấn pháp lý trong nước, tư vấn pháp lý quốc tế cho Bộ Tài chính và tổ chức hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành;

c) Hoàn thiện hồ sơ phát hành: chủ trì, phối hợp với tư vấn pháp lý trong nước hoặc tư vấn pháp lý quốc tế đàm phán, ký kết các hợp đồng với tổ chức hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành, các đại lý có liên quan và chuẩn bị các tài liệu trong hồ sơ phát hành phù hợp với thông lệ quốc tế và luật pháp của Việt Nam;

d) Đánh giá hệ số tín nhiệm: chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan làm việc với các tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm để xác nhận hệ số tín nhiệm cho quốc gia;

đ) Tổ chức quảng bá: việc tổ chức quảng bá chào bán trái phiếu do Bộ Tài chính thực hiện tùy thuộc yêu cầu của từng phương thức phát hành trái phiếu. Bộ Tài chính phối hợp với tổ chức hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành tổ chức quảng bá trái phiếu tại các trung tâm tài chính lớn trên thế giới để tiếp xúc với cộng đồng các nhà đầu tư quốc tế trước khi thực hiện việc định giá để phát hành trái phiếu;

e) Tổ chức phát hành: Bộ Tài chính quyết định các điều kiện, điều khoản phát hành trái phiếu trong quá trình định giá trái phiếu trên cơ sở tư vấn của tổ chức hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành, phù hợp với điều kiện thị trường và các nguyên tắc nêu tại đề án phát hành trái phiếu đã được Chính phủ phê duyệt;

g) Tiếp nhận vốn: Bộ Tài chính tổ chức việc tiếp nhận nguồn vốn trái phiếu đã phát hành theo đúng các thỏa thuận đã ký;

h) Hoàn tất giao dịch phát hành: sau khi nhận tiền bán trái phiếu, Bộ Tài chính hoàn tất và ký kết các văn bản pháp lý kết thúc giao dịch phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời báo cáo kết quả phát hành theo các quy định hiện hành.

Điều 36. Sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu

1. Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế được phân bổ, quản lý và sử dụng theo đúng các mục đích quy định trong đề án phát hành đã được Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 Nghị định này, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp phát hành trái phiếu để cho vay lại, việc sử dụng nguồn vốn phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế cho vay lại và hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc sử dụng và giám sát sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ.

Điều 37. Phí phát hành, thanh toán trái phiếu

1. Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu bao gồm:

a) Các khoản chi phí phát sinh một lần: phí tư vấn bảo lãnh phát hành; phí tư vấn pháp lý trong nước, tư vấn pháp lý quốc tế; phí trả cho tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm; phí trả cho các đại lý niêm yết, in ấn; các chi phí trong nước và nước ngoài liên quan đến quá trình chuẩn bị phát hành, quảng bá chào bán trái phiếu; và các chi phí thực tế khác (nếu có);

b) Các khoản chi phí phải trả hàng năm cho đại lý tài chính và thanh toán, đại lý chuyển nhượng và sở giao dịch chứng khoán nơi trái phiếu được niêm yết theo các thỏa thuận đại lý đã ký kết;

c) Các chi phí khác liên quan đến việc phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu (nếu có).

2. Đối với trường hợp phát hành trái phiếu Chính phủ để sử dụng cho mục tiêu cơ cấu lại danh mục nợ Chính phủ, chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu do ngân sách trung ương chi trả.

3. Đối với trường hợp cho vay lại

a) Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu do người vay lại chịu và chi phí này được phân bổ theo tỷ trọng nguồn vốn cho vay lại đối với từng người vay;

b) Ngân sách nhà nước tạm ứng các khoản chi phí phát sinh trong quá trình phát hành trái phiếu và được hoàn trả bằng cách khấu trừ trực tiếp vào số tiền được phân bổ từ nguồn vốn trái phiếu trước khi chuyển cho người vay lại;

c) Ngân sách nhà nước tạm ứng để thanh toán các khoản chi phí phát sinh thường niên và phân bổ theo tỷ trọng nguồn vốn cho vay lại đối với từng người vay. Người vay lại hoàn trả các khoản tạm ứng này cho ngân sách nhà nước theo thông báo của Bộ Tài chính.

Điều 38. Thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Bộ Tài chính trực tiếp chuyển tiền từ ngân sách nhà nước vào tài khoản của đại lý để thanh toán gốc, lãi cho chủ sở hữu trái phiếu khi đến hạn thanh toán.

2. Trường hợp cho vay lại: khi đến hạn thanh toán gốc, lãi trái phiếu, người vay lại trả trực tiếp vào tài khoản của đại lý thanh toán hoặc chuyển trả vào Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài theo quy định cụ thể tại các hợp đồng cho vay lại để Bộ Tài chính chuyển tiền cho đại lý thanh toán thực hiện chi trả cho chủ sở hữu trái phiếu.

Điều 39. Cập nhật thông tin

Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi giao dịch của các trái phiếu trên thị trường và phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp các thông tin cập nhật về tình hình kinh tế Việt Nam cho các nhà đầu tư nước ngoài theo thông lệ quốc tế sau khi phát hành.

Mục 2

TRÁI PHIẾU ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Điều 40. Điều kiện phát hành trái phiếu

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này.
2. Có đề án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế được Bộ Tài chính thẩm định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
3. Giá trị phát hành và kỳ hạn trái phiếu phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Quản lý nợ công, nằm trong hạn mức vay thương mại và bảo lãnh vay nước ngoài Chính phủ hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
4. Có báo cáo tài chính của ba (03) năm liên tiếp liền kề trước năm phát hành trái phiếu đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không bị lỗ trong ba (03) năm liền kề gần

nhất, không có lỗ lũy kế và không có các khoản nợ quá hạn. Báo cáo tài chính được kiểm toán của chủ thể phát hành phải là báo cáo kiểm toán nêu ý kiến chấp thuận toàn bộ. Trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ thì phải là ý kiến ngoại trừ không trọng yếu và chủ thể phát hành phải báo cáo, giải trình rõ lý do ngoại trừ, ảnh hưởng của yếu tố ngoại trừ đối với tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ thể phát hành và giải pháp khắc phục.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về cấp và quản lý bảo lãnh của Chính phủ đối với phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

Điều 41. Đề án phát hành trái phiếu

1. Đề án phát hành trái phiếu do chủ thể phát hành xây dựng phải có các nội dung cơ bản theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này và các nội dung sau:

- a) Dự kiến loại tiền tệ và thị trường phát hành trái phiếu;
- b) Dự kiến phương thức lựa chọn tổ chức hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành trái phiếu, tư vấn pháp lý trong nước, tư vấn pháp lý quốc tế và các đại lý liên quan;
- c) Phương án xử lý rủi ro, trong đó có rủi ro về tỷ giá.

2. Đề án phát hành trái phiếu phải được đại diện chủ sở hữu, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phê duyệt theo quy định tại điều lệ tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 42. Thẩm định và cấp bảo lãnh Chính phủ

1. Chủ thể phát hành gửi Bộ Tài chính hồ sơ phát hành trái phiếu để thẩm định. Hồ sơ phát hành trái phiếu bao gồm:

- a) Đề án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 41 Nghị định này;
- b) Các văn bản pháp lý chứng minh đủ điều kiện phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 40 Nghị định này;
- c) Xác nhận của tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm về hệ số tín nhiệm của chủ thể phát hành;
- d) Các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

2. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ phát hành trái phiếu của chủ thể phát hành, Bộ Tài chính chủ trì thẩm định đề án phát hành trái phiếu theo các nội dung quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật hiện hành về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

3. Sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm định đề án phát hành trái phiếu đồng thời kiến nghị về khả năng phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh ra thị trường quốc tế để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát hành trái phiếu và chấp thuận chủ trương cấp bảo lãnh Chính phủ, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho chủ thể phát hành để tổ chức phát hành trái phiếu theo đề án đã được phê duyệt và theo các quy định tại Nghị định này.

5. Việc cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ cho trái phiếu doanh nghiệp do Bộ Tài chính thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ cho phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

Điều 43. Phí phát hành, thanh toán trái phiếu

Chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu, phí bảo lãnh Chính phủ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này.

Điều 44. Sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu

1. Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu phải được sử dụng theo đúng đề án phát hành trái phiếu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Nghị định này.

2. Chủ thể phát hành chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn phát hành trái phiếu; bảo đảm thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, về quản lý ngoại hối, và về quản lý vay và trả nợ nước ngoài.

Điều 45. Thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Chủ thể phát hành chuyển tiền trực tiếp cho đại lý thanh toán theo thỏa thuận đã ký để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho chủ sở hữu trái phiếu khi đến hạn.

2. Trường hợp chủ thể phát hành không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn, Bộ Tài chính thực hiện nghĩa vụ thanh toán của chủ thể phát hành trong phạm vi mức bảo lãnh Chính phủ đã cấp. Chủ thể phát hành có trách nhiệm báo cáo, nhận nợ và thanh toán lại cho Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 46. Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc phát hành, sử dụng, thanh toán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định tại Nghị định này.

2. Chủ trì, xây dựng và thực hiện kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ trong nước để huy động vốn cho ngân sách nhà nước; xây dựng hạn mức bảo lãnh cho trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

3. Quy định về khung lãi suất trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

4. Làm đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, theo dõi và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

5. Chủ trì thẩm định đề án phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương để đảm bảo đề án được xây dựng và phê duyệt theo đúng nội dung, quy trình, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

6. Chủ trì xây dựng đề án phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổ chức việc phát hành và cho vay lại nguồn vốn phát hành trái phiếu, bao gồm:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý cho việc phát hành;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan làm việc với tổ chức xếp hạng hệ số tín nhiệm quốc gia;

c) Ký kết các hợp đồng với các đối tác nước ngoài có liên quan đến việc phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường vốn quốc tế trên cơ sở Đề án phát hành trái phiếu đã được Chính phủ phê duyệt;

d) Làm đầu mối cung cấp các thông tin cho các đối tác nước ngoài theo quy định trong các thỏa thuận đã ký khi phát hành trái phiếu quốc tế;

đ) Lựa chọn cơ quan cho vay lại và thực hiện cho vay lại nguồn vốn trái phiếu quốc tế theo quy định của pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

Điều 47. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Hướng dẫn, tổ chức đăng ký và xác nhận hạn mức vay thương mại nước ngoài cho các đợt phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh ra thị trường quốc tế.

2. Mua lại nguồn ngoại tệ thu được từ việc phát hành trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ và bán ngoại tệ cho Bộ Tài chính để thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu bằng ngoại tệ khi đến hạn.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức đấu thầu phát hành tín phiếu kho bạc qua Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc hoàn tất các hồ sơ, thủ tục liên quan đến phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế.

5. Cung cấp các số liệu, tài liệu cần thiết liên quan đến lĩnh vực quản lý theo yêu cầu của Bộ Tài chính và phối hợp làm việc với các tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm.

Điều 48. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ và hạn mức bảo lãnh của Chính phủ cho phát hành trái phiếu.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc hoàn tất các hồ sơ, thủ tục liên quan đến phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế.

3. Cung cấp các số liệu, tài liệu cần thiết liên quan đến lĩnh vực quản lý theo yêu cầu của Bộ Tài chính và phối hợp làm việc với các tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm.

Điều 49. Bộ Tư pháp

1. Thực hiện vai trò tư vấn pháp lý trong nước cho Chính phủ đối với các đợt phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế.

2. Tham gia ý kiến về những vấn đề pháp lý trong các hợp đồng bảo lãnh phát hành, các hợp đồng pháp lý khác liên quan đến việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh ra thị trường quốc tế, các thỏa thuận về bảo lãnh Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Thẩm định những vấn đề khác nhau giữa các thỏa thuận về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh ra thị trường quốc tế với pháp luật trong nước và theo dõi việc xử lý các vấn đề này trong quá trình thực hiện các thỏa thuận này.

4. Cấp ý kiến pháp lý đối với các thỏa thuận phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh ra thị trường quốc tế và cấp ý kiến pháp lý về tư cách pháp lý của tổ chức phát hành và của cơ quan bảo lãnh theo đề nghị của các cơ quan này.

Điều 50. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Lập đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, kế hoạch hoàn trả vốn vay trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và gửi Bộ Tài chính thẩm định.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo đề án được Bộ Tài chính chấp thuận.

3. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn và thu hồi vốn vay từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

4. Cân đối ngân sách cấp tỉnh để bảo đảm nguồn thanh toán trái phiếu khi đến hạn.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 51. Các doanh nghiệp vay lại nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

2. Cung cấp đầy đủ các tài liệu hồ sơ về các dự án đầu tư dự kiến sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế cho Bộ Tài chính để xây dựng đề án phát hành trái phiếu.

3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng nguồn tiền phát hành trái phiếu Chính phủ quốc tế theo đúng mục tiêu mà Chính phủ đã phê duyệt. Mọi hành vi sử dụng sai mục đích hoặc không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Cam kết và có trách nhiệm hoàn trả kịp thời và đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Bộ Tài chính theo đúng các thỏa thuận của hợp đồng cho vay lại.

5. Tổ chức hạch toán kế toán, lưu trữ các tài liệu chứng từ phù hợp về việc rút vốn và sử dụng khoản vay lại và định kỳ (quý, năm) lập báo cáo gửi Bộ Tài chính.

6. Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính, doanh nghiệp vay lại phải gửi báo cáo đánh giá và cung cấp tài liệu giải trình liên quan đến hiệu quả sử dụng khoản vốn vay lại từ nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ; thực hiện kiểm toán bắt buộc báo cáo tài chính năm về việc sử dụng nguồn vốn và báo cáo Bộ Tài chính

Điều 52. Các chủ thể phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

1. Có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm theo các quy định của Nghị định này, quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính năm và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 53. Các Bộ, ngành có liên quan

1. Giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư cho các chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành.
2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và triển khai thực hiện các quy định của Nghị định này.
3. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc cung cấp số liệu định kỳ hoặc đột xuất để phục vụ cho việc đánh giá hệ số tín nhiệm quốc gia, hệ số tín nhiệm của doanh nghiệp và cùng làm việc với các cơ quan đánh giá hệ số tín nhiệm.
4. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp trong việc cung cấp các số liệu, thông tin cần thiết để xây dựng Bản cáo bạch, soạn thảo ý kiến pháp lý và tham gia các buổi kiểm chứng số liệu cùng với tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh và các đơn vị liên quan tới đợt phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế.

Điều 54. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Chủ thể phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương có trách nhiệm báo cáo tình hình phát hành, sử dụng vốn trái phiếu và tình hình trả nợ cho Bộ Tài chính.
2. Chủ thể phát hành trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

Điều 55. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nghị định này, tùy theo hành vi và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2011.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2003 về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các quy định về phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế quy định tại Nghị định số 53/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2009 về phát hành trái phiếu quốc tế.

Điều 57. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). XH 290

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng